

Số: 08 /GPMT-BQL

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận Bắc Từ Liêm;

Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú Thịnh tại Văn bản số 0122024/CV-PT ngày 11/12/2024 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Nhà máy in Phú Thịnh” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 23/TTr-QLTNMT ngày 20/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú



Thịnh (địa chỉ trụ sở chính: số 22/3, ngõ 89 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Nhà máy in Phú Thịnh tại Lô B2-2-5 và Lô B2-1-5 KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy in Phú Thịnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B2-2-5 và Lô B2-1-5 KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội .

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0101712645, đăng ký lần đầu ngày 28/6/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14/11/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 0101712645-003 ngày 22/5/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0101712645

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In và các dịch vụ liên quan đến in.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng mức đầu tư: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng Việt Nam)

- Diện tích: Tổng diện tích là 7.314,2m². Trong đó: diện tích Lô B2-2-5 là 2.323,80m² và diện tích Lô B2-1-5 là 4.990,40m²

(Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916174 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2011 và BB 916173 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2011)

- Công suất:

+ In sách: 1.500.000.000 trang in/năm

+ In gia công tờ rơi: 4.000.000 sản phẩm/năm

(Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000162/GCNĐC1/01/2 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/11/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 18/12/2008)

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và tương đương dự án đầu tư nhóm III (theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú Thịnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 20 tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Bắc Từ Liêm và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND quận Bắc Từ Liêm
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty CP Phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội;
- Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú Thịnh;
- Lưu: VT, QLTNMT.

TRƯỞNG BAN



Lê Quang Long

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 08 /GPMT-BQL ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải:

* Đối với Lô B2-2-5:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy.

+ Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bếp.

+ Nguồn thải số 03: Nước thải sản xuất phát sinh khu vực chế bản in

+ Nguồn thải số 04: Nước thải khu vực làm sạch bản kẽm

* Đối với Lô B2-1-5:

+ Nguồn thải số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy.

- Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Thăng Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường).

- Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải với Công ty CPPT hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội (là Chủ đầu tư hạ tầng và quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Thăng Long).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở.

* Đối với Lô B2-2-5:

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt từ các nguồn phát sinh nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải từ nguồn thải số 01 (từ khu vực nhà vệ sinh) theo đường ống uPVC (D100, L=10,7m) tự chảy vào 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích bể $V=5m^3$) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại vào đường ống PVC (D48, L=50m) vào bể điều hoà (kích thước bể 1,5mx1,4mx2,8m) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 10 m^3 /ngày đêm.

+ Nước thải từ nguồn thải số 02 (từ khu vực nhà bếp) theo đường ống uPVC (D90, L=3,5m) vào 01 bể tách mỡ 2 ngăn ($V=1 m^3$ /bể) để xử lý sơ bộ. Nước thải



sau bể tách mỡ vào đường ống PVC (D110, L=3m) vào bể điều hoà (kích thước bể 1,5mx1,4mx2,8m) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 10 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sản xuất từ nguồn thải số 03 (nước thải chế bản in) được thu gom theo đường ống D110 (L=20m), nguồn số 04 (nước thải làm sạch bản kẽm) được thu gom theo đường ống D80 về bể gom (kích thước bể 1,5mx1,5mx3m) và được tiền xử lý bằng hoá lý trước khi hoà chung với nước thải sinh hoạt để xử lý tại công đoạn xử lý sinh học của trạm XLNT tập trung với công suất 10 m³/ngày đêm.

Toạ độ điểm đầu nối số 1 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2 331 916; Y = 578 688

* Đối với lô B2-1-5:

+ Nước thải từ nguồn thải số 05 (từ khu vực nhà vệ sinh) theo đường ống uPVC (D110, L=20m) tự chảy vào 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích bể V=5m³) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại vào đường ống PVC (D110, L=90m) vào hố ga (kích thước 1mx1mx1,5m) thu gom nước thải KCN Nam Thăng Long.

Toạ độ điểm đầu nối số 2 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2 332 035; Y = 578 665

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể điều hoà (V=5,88m³) → Bể hiếu khí (V=5,88m³) → Bể hiếu khí (V=3,92m³) → Bể lắng sinh học (V=5,5m³) → Bể khử trùng (V=2,352m³) → Hố ga đầu nối → Hệ thống thu gom và xử lý của KCN Nam Thăng Long.

+ Nước thải sản xuất → Bể gom (V=6,75m³) → Bể keo tụ (V=1,16m³) → Bể tạo bông (V=1,176m³) → Bể lắng hoá lý (V=1,792m³) → Bể trung gian (V=1,326m³) → Bể hiếu khí (V=3,92m³) → Bể lắng sinh học (V=5,5m³) → Bể khử trùng (V=2,352m³) → Hố ga đầu nối → Hệ thống thu gom và xử lý của KCN Nam Thăng Long.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polyme, Cơ chất, Khử trùng TCCA (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải và kiểm tra định kỳ máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố như: Kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN,....

- Thuê đơn vị chức năng đến thu gom và hút bùn cặn bể tự hoại.

- Trong trường hợp vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ tháng 3/2025 đến hết tháng

04/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại bể điều hoà chứa nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ; 01 điểm tại bể gom chứa nước thải sản xuất và 01 điểm đầu ra sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của thông số:

Thông số và giá trị giới hạn cho phép của thông số: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Nam Thăng Long.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Thăng Long để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

Phụ lục 2

**BAO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 08/GPMT-BQL ngày 20 tháng 01 năm 2025
của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

* Nguồn phát sinh xưởng B2-2-5:

+ Nguồn số 1: Từ các máy thổi khí, máy bơm, quạt hút và các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 2: Từ máy phát điện dự phòng

+ Nguồn số 3: Từ công đoạn gấp sách

+ Nguồn số 4: Từ công đoạn cắt sách

* Nguồn phát sinh xưởng B2-1-5:

+ Nguồn số 5: Từ máy cán/bé

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn phát sinh số 01: tọa độ X = 2 331 891; Y = 578 693

- Vị trí nguồn phát sinh số 02: tọa độ X = 2 331 892; Y = 578 696

- Vị trí nguồn phát sinh số 03: tọa độ X = 2 331 902; Y = 578 704

- Vị trí nguồn phát sinh số 04: tọa độ X = 2 331 900; Y = 578 701

- Vị trí nguồn phát sinh số 05: tọa độ X = 2 332 145; Y = 578 721

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		

1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>
---	----	----	---	-----------------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Vận hành theo đúng quy trình của nhà sản xuất; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...); duy trì các thiết bị máy móc hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn tới mức thấp nhất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 08 /GPMT-BQL ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Lỏng	12 06 05	2.410
2	Hộp mực in thải có các TPNH	Rắn	08 02 04	300
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	75
4	Dầu động cơ, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 10 03	150
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	2.220
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ hộp đựng mực in giấy thải,...)	Rắn	18 01 02	4000
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (can chứa dầu, vỏ thùng chứa dung môi, vỏ can chứa hoá chất,...)	Rắn	18 01 03	1.250
Tổng				10.405

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải sinh hoạt	kg/năm	9.360
Tổng		kg/năm	9.360

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phế liệu phát sinh:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy tạp	Kg/năm	45.850
2	Giấy trắng	Kg/năm	4.335
3	Giấy Couche	Kg/năm	38.150



4	Giấy độ trắng thấp	Kg/năm	4.342,5
5	Ống lõi	Kg/năm	2.605
6	Bản kẽm thải đã được làm sạch	Kg/năm	2.057,5
Tổng			97.340

- Khối lượng bùn thải bề phốt: 250 kg/năm.
- Khối lượng dầu mỡ từ bề tách mỡ: 120 kg/năm.
- Khối lượng bùn nạo vét hệ thống thu gom thoát nước mưa: 1.000kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 02 thùng phi sắt dung tích 240 lít/thùng chứa dầu và 04 thùng nhựa dung tích 120lít có dán nhãn các mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 10m².

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển cảnh báo, rãnh thu chảy tràn chất thải, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

- Vị trí: nằm khu vực phía Đông nhà xưởng B2-2-5.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Tại các khu vực phát sinh, bố trí các bao tải với dung tích 100-500 lít hoặc các sọt nhựa để phân loại. Cuối ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển về khu vực tập kết phế liệu.

2.2.2. Khu vực lưu giữ:

- Diện tích: 14m²

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực tập kết phế liệu có mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Vị trí: kho nằm ở phía Tây Nam của nhà xưởng B2-2-5.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

Ngoài ra:

- Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại ngăn/bể chứa bùn. Định kỳ được đơn vị thu gom đến hút đi xử lý, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

- Dầu mỡ từ bể tách mỡ được lưu giữ tại bể tách mỡ. Định kỳ được đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

- Bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa: Định kỳ được đơn vị thu gom, vận chuyển đi xử lý, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Tại các khu vực phát sinh (văn phòng, nhà bếp, hành lang,...), để sẵn các thùng nhựa dung tích 20-75lít/thùng. Cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và đưa ra khu vực tập kết rác, cho vào 02 thùng nhựa dung tích 120 lít/thùng.

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Diện tích khoảng 2m².

Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập kết: Khu vực tập kết có mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Vị trí: nằm ở phía Đông Bắc của nhà xưởng B2-2-5.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 08 /GPMT-BQL ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Nam Thăng Long (Công ty CP phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội) theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo các quy định hiện hành./.

